

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2022

V/v *Xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Kỳ Tùng và ông Trần Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Biện Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* chị **Đỗ Thị Thùy T** - sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Phùng Văn T** - sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: thôn T, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Đỗ Thị Thùy T** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 31/12/2010. Sau khi kết hôn anh chị sống tại quê chồng ở Tây Ninh, sau đó về quê chị sinh sống. Đến đầu năm 2015, anh T bỏ về lại thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh cho đến nay. Hiện nay tôi và anh T không còn sống chung với nhau. Bản thân thấy không còn tình cảm, không hạnh phúc với anh T được nữa. Đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Trong thời gian hôn nhân chị và anh T có 02 con chung tên: Phùng Đỗ Tiến Đ – sinh ngày 18/11/2009 và Phùng Đỗ Ngọc N – sinh ngày 04/02/2011. Các con hiện đang sống cùng chị, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng các con chung. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

Tại Bản tự khai và đơn yêu cầu xử vắng mặt, bị đơn anh Phùng Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: anh thống nhất với trình bày của chị T về tình trạng hôn nhân của anh chị. Anh và chị T đã không còn sống chung với nhau khoảng 10 năm. Chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh thống nhất với chị T về con chung. Anh chị có 02 con chung tên: Phùng Đỗ Tiến Đ – sinh ngày 18/11/2009 và Phùng Đỗ Ngọc N – sinh ngày 04/02/2011. Anh đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị T, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

Các cháu Phùng Đỗ Tiến Đ – sinh ngày 18/11/2009 và Phùng Đỗ Ngọc N – sinh ngày 04/02/2011 có đơn trình bày nguyện vọng muốn sống cùng mẹ.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu. Anh T có đơn đề nghị xử vắng mặt giữ nguyên lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thùy T. Về hôn nhân: chị T được ly hôn với anh T. Về con chung: giao các cháu Phùng Đỗ Tiến Đ – sinh ngày 18/11/2009 và Phùng Đỗ Ngọc N – sinh ngày 04/02/2011 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không xét. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phùng Văn T. Bị đơn có hộ khẩu tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có đơn xin xét xử vắng nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị T và anh T xảy ra mâu thuẫn, chị T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 31/12/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp, chị T đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T đã tự ý bỏ về tỉnh Tây Ninh sinh sống khoảng 10 năm, không chăm lo cho gia đình. Anh T cũng đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử thấy giữa chị T và anh T không tìm được tiếng nói chung, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: chị T và anh T có 02 con chung tên cháu Phùng Đỗ Tiến Đ – sinh ngày 18/11/2009 và Phùng Đỗ Ngọc N – sinh ngày 04/02/2011, con chung đang sống cùng chị T tình cảm gắn bó, cháu Đ và cháu N có nguyện vọng sống cùng mẹ. Anh T cũng đồng ý nhường quyền nuôi các con chung cho chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của đương sự, giao 02 con chung cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: chị Đỗ Thị Thùy T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Đỗ Thị Thùy T được ly hôn với anh Phùng Văn T.

* Về con chung: Giao các cháu Phùng Đỗ Tiến Đ – sinh ngày 18/11/2009 và Phùng Đỗ Ngọc N – sinh ngày 04/02/2011 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không giải quyết.

* Về án phí: chị Đỗ Thị Thùy T phải chịu **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền số 0003753, ngày 02/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Chị T đã nộp đủ.

* Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1);
- VKSND h. Tuy An (2);
- THADS h. Tuy An (1);
- Đương sự (2);
- UBND xã T (1);
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương

